

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2023/DS-ST

Ngày 26-9-2023

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Diễm.

Bà Phạm Thị Thúy Mùi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16A/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023/QĐHPT-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: X L, phường L1, quận Đ, TP Hà Nội

-Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D- Chủ tịch Hội đồng quản trị.

-Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Ngọc A- Chuyên viên phòng xử lý nợ khách hàng cá nhân.

-Bị đơn: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1985.

Chị Phạm Ngọc H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện Qu, tỉnh Thái Bình.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Vũ Văn Tr, sinh năm 1987;

Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ1, huyện Qu, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin xử án vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa Ông Trương Ngọc A- đại diện nguyên đơn trình bày: Anh Vũ Văn T và chị Phạm Ngọc H là vợ chồng. Anh T và chị H đã 05 lần ký hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng V về để tiêu dùng, mua sắm dụng cụ gia đình với tổng số tiền là 601.986.994 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 03/6/2016 vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 64 tháng, lãi suất 23,4%/năm, lãi suất vay quá hạn bằng 150 % mức lãi suất trong hạn kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

- Ngày 16/3/2018 vay số tiền 120.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 8,9%/năm, mức lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 16/9/2018, biên độ 3,8%/năm; lãi suất vay quá hạn bằng 150 % mức lãi suất trong hạn kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

- Ngày 18/12/2020 vay số tiền 137.000.000 đồng, thời hạn vay 09 tháng, lãi suất 11,49%/năm; mức lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7, 01/10 hàng năm biên độ 4,1%/năm; lãi suất vay quá hạn bằng 150 % mức lãi suất trong hạn kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

- Ngày 09/3/2019 vay số tiền 20.000.000 đồng; thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 19,2%/năm, lãi suất vay quá hạn bằng 150 % mức lãi suất trong hạn kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

- Ngày 19/8/2020 vay số tiền 174.986.994 đồng; thời hạn vay 38 tháng, lãi suất 36%/năm, lãi suất vay quá hạn bằng 150 % mức lãi suất trong hạn kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay là 01 xe ô tô tải nhãn hiệu TMT, biển kiểm soát 17C-101.57 mang tên Vũ Văn T và quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 316, tờ bản đồ số 22, diện tích 569,5m²; địa chỉ thửa đất Thôn B, xã Đ1, huyện Qu, tỉnh Thái Bình mang tên chủ sử dụng đất anh Vũ Văn Tr và chị Nguyễn Thị L1.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh T, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V kể từ ngày 01/01/2021 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tính đến ngày 01/3/2023 Anh T chị H đã trả cho Ngân hàng số tiền 379.105.664 đồng (trong đó gốc là 213.040.239 đồng; lãi là 165.849.514 đồng; lãi chậm trả là 215.911 đồng) cụ thể như sau:

- Khoản vay ngày 03/6/2016 đã trả nợ gốc: 125.809.122 đồng, nợ lãi: 114.486.809 đồng, lãi chậm trả: 29.097 đồng, tổng cộng 240.325.028 đồng.

- Khoản vay ngày 16/3/2018 đã trả nợ gốc: 74.000.000 đồng, nợ lãi: 28.452.507 đồng, lãi chậm trả: 5.808 đồng, tổng cộng 102.458.315 đồng.

- Khoản vay ngày 18/12/2020 đã trả nợ gốc: 0 đồng, nợ lãi: 6.282.702 đồng, lãi chậm trả: 0 đồng; tổng cộng 6.282.702 đồng.

- Khoản vay ngày 09/3/2019 đã trả nợ gốc: 13.207.590 đồng, nợ lãi: 6.261.888 đồng, lãi chậm trả: 0 đồng, tổng cộng 19.469.478 đồng

- Khoản vay ngày 19/8/2020 đã trả nợ gốc: 23.527 đồng, nợ lãi: 10.365.608 đồng, lãi chậm trả: 181.006 đồng; tổng cộng 10.570.141 đồng.

Từ sau thời điểm 01/3/2023 anh T, chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, phía Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở và gửi yêu cầu thanh toán số tiền phải trả nhưng anh T, chị H vẫn trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận hợp đồng đã ký kết. Vì vậy Ngân hàng V đã khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Anh T chị H phải có nghĩa vụ trả số nợ còn lại tính đến ngày 26/9/2023 là 718.276.245 đồng. Gồm: tiền nợ gốc là 388.946.755 đồng; lãi trong hạn là 290.583.348 đồng; lãi chậm trả là 38.746.142 đồng. Cụ thể như sau:

- Khoản vay ngày 03/6/2016 còn nợ gốc: 24.190.878 đồng, nợ lãi: 17.926.314 đồng, lãi chậm trả: 3.470.498 đồng, tổng cộng 45.587.690 đồng.

- Khoản vay ngày 16/3/2018 nợ gốc: 46.000.000 đồng, nợ lãi: 19.034.340 đồng, lãi chậm trả: 2.246.373 đồng, tổng cộng 67.280.713 đồng.

- Khoản vay ngày 18/12/2020 nợ gốc: 137.000.000 đồng, nợ lãi: 57.549.164 đồng, lãi chậm trả: 11.790.601 đồng; tổng cộng 206.339.764 đồng.

- Khoản vay ngày 16/03/2019 nợ gốc: 6.792.410 đồng, nợ lãi: 4.280.576 đồng, lãi chậm trả: 703.796 đồng, tổng cộng 11.776.782 đồng

- Khoản vay ngày 19/8/2020 nợ gốc: 174.963.467 đồng, nợ lãi: 191.792.955 đồng, lãi chậm trả: 20.534.875 đồng; tổng cộng 387.291.297 đồng.

Đồng thời, Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên trong bản án trong trường hợp anh T, chị H không thực hiện, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để trừ vào nghĩa vụ trả nợ.

Đối với bị đơn là anh Vũ Văn T chị Phạm Ngọc H: Trong quá trình tố tụng Tòa án đã triệu tập hợp lệ Anh T và chị H lên Tòa án để giải quyết vụ kiện nhưng Anh T chị H vắng mặt trong quá trình tố tụng, vì vậy Tòa án không lấy được lời khai của Anh T chị H, không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần 1 và lần 2 Anh T chị H vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Văn Tr và chị Nguyễn Thị L1 trình bày: Anh Tr chị L1 là vợ chồng, anh chị với Anh T chị H quan hệ là anh em trong gia đình. Vào ngày 13/3/2020 anh chị có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ở thửa số 316, tờ bản đồ số 22, diện tích 569,5m²; địa chỉ thửa đất Thôn B, xã Đ1, huyện Qu với Ngân hàng V để đảm bảo cho toàn bộ khoản vay của Anh T chị H trong phạm vi trị giá của thửa đất. Sau khi anh T, chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, phía Ngân hàng đã thông báo và nhắc nhở đối với anh chị. Nay Ngân hàng V khởi kiện đối với anh T, chị H về khoản nợ còn phải trả, anh chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật đối với tài sản đảm bảo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa lần 1 và lần 2, như vậy bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ vào các Điều 299, 463, 323 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh T, chị H phải thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ đối với Ngân hàng V, trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng mà Anh T chị H đã ký kết với Ngân hàng tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng số tiền là 718.276.245 đồng. Gồm: tiền nợ gốc là 388.946.755 đồng; lãi trong hạn là 290.583.348 đồng; lãi chậm trả là 38.746.142 đồng. Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 27/9/2023 cho đến ngày anh T, chị H thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp anh T, chị H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án cưỡng chế, kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để trừ vào nghĩa vụ trả nợ của anh T, chị H với Ngân hàng. *Về án phí:* Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại Thôn P, xã A, huyện Qu, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin xử án vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Áp dụng pháp luật giải quyết: Hợp đồng cấp tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng V và anh Vũ Văn T và chị Phạm Ngọc H được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, nên căn cứ vào các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Về nội dung:

- Về yêu cầu trả nợ gốc: Anh Vũ Văn T và chị Phạm Ngọc H là quan hệ vợ chồng, Anh T và chị H đã ký 05 hợp đồng tín dụng với Ngân hàng V vay tiền với mục đích tiêu dùng và mua sắm dụng cụ gia đình. Các hợp đồng vay tiền thể hiện như sau:

1/Hợp đồng tín dụng LD 1617402052 ngày 03/6/2016 vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 64 tháng, lãi suất 23,4%/năm, lãi suất vay quá hạn bằng 150 % mức lãi suất trong hạn kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn;

2/Hợp đồng tín dụng LD 1807501542 ngày 16/3/2018 vay số tiền 120.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 8,9%/năm, mức lãi suất được

điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần, ngày điều chỉnh lãi xuất đầu tiên là ngày 16/9/2018, biên độ 3,8%/năm; lãi xuất vay quá hạn bằng 150 % mức lãi xuất trong hạn kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn;

3/Hợp đồng tín dụng LD2035401136 ngày 18/12/2020 vay số tiền 137.000.000 đồng, thời hạn vay 09 tháng, lãi xuất 11,49%/năm; mức lãi xuất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7, 01/10 hàng năm biên độ 4,1%/năm; lãi xuất vay quá hạn bằng 150 % mức lãi xuất trong hạn kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn;

4/Hợp đồng tín dụng LD1907500221 ngày 09/3/2019 vay số tiền 20.000.000 đồng; thời hạn vay 36 tháng, lãi xuất 19,2%/năm, lãi xuất vay quá hạn bằng 150 % mức lãi xuất trong hạn kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn;

5/Hợp đồng tín dụng LD2118900376 ngày 19/8/2020 vay số tiền 174.986.994 đồng; thời hạn vay 38 tháng, lãi xuất 36%/năm, lãi xuất vay quá hạn bằng 150 % mức lãi xuất trong hạn kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Từ ngày 01/01/2021 anh T, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, phía Ngân hàng đã đôn đốc nhắc nhở nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 01/3/2023 Anh T chị H đã trả cho Ngân hàng số tiền 379.105.664 đồng (trong đó gốc là 213.040.239 đồng; lãi là 165.849.514 đồng; lãi chậm trả là 215.911 đồng). Số nợ gốc còn lại là 388.946.755 đồng kể từ sau thời điểm 01/3/2023 anh T, chị H không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng mặc dù phía Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu anh T, chị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Như vậy, anh T, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã thỏa thuận ký kết trước đó với Ngân hàng. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V ra Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ yêu cầu anh T, chị H phải trả số tiền gốc còn nợ là 388.946.755 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về yêu cầu trả nợ lãi, lãi quá hạn (lãi chậm trả): Theo các Hợp đồng tín dụng trên, ngày 01/01/2021 anh T, chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy kể từ ngày 01/01/2021 các khoản vay của anh T, chị H Ngân hàng đã tính lãi xuất quá hạn kể từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay phía Ngân hàng yêu cầu Anh T chị H phải trả tiền lãi, lãi chậm trả của khoản nợ gốc còn nợ nêu trên tính đến ngày xét xử sơ thẩm 26/9/2023 lãi trong hạn là 211.481.152 đồng; lãi chậm trả là 21.166.566 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận. Anh T chị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật kể từ ngày 27/9/2023 cho đến khi trả hết số tiền còn nợ Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về tài sản bảo đảm cho khoản vay: Để đảm bảo cho khoản vay cho các hợp đồng tín dụng, Anh T và chị H đã thế chấp tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô tải nhãn hiệu TMT, biển kiểm soát 17C-101.57 mang tên Vũ Văn T. Anh Vũ Văn Tr và chị Nguyễn Thị L1 đã thế chấp tài sản bảo đảm cho các khoản vay của anh T, chị H là quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 316, tờ bản đồ số 22, diện tích 569,5m²; địa chỉ thửa đất Thôn B, xã Đ1, huyện Qu, tỉnh Thái Bình mang tên chủ sử dụng đất anh Vũ Văn Tr và chị Nguyễn Thị L1. Tại nội dung hợp đồng thế chấp đều quy định rõ tài sản thế chấp bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của các hợp đồng tín dụng, anh Tr, chị L1 đề nghị Tòa án xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 316, tờ bản đồ số 22, diện

tích 569,5m²; địa chỉ thửa đất Thôn B, xã Đ1, huyện Qu, tỉnh Thái Bình, các hộ liền kề không có tranh chấp về ranh giới với thửa đất.

Xét thấy các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 1078 ngày 13/3/2020 và hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN 1803140553099 ngày 16/3/2018 được ký kết đúng thủ tục và được đăng ký giao dịch bảo đảm nên phát sinh hiệu lực. Nay Ngân hàng yêu cầu: Trường hợp anh T, chị H không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để trừ vào nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy, yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ, cần chấp nhận là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp. Anh T chị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ và nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu chi phí thẩm định, vì vậy bị đơn phải chịu chi phí thẩm định và có nghĩa vụ trả số tiền chi phí thẩm định cho nguyên đơn đã tạm ứng thẩm định.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 119, Điều 299, Điều 323, Điều 463, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng về việc giao kết Hợp đồng tín dụng số LD 1617402052 ngày 03/6/2016; LD 1807501542 ngày 16/3/2018; LD1907500221 ngày 09/3/2019; LD2035401136 ngày 18/12/2020; LD2118900376 ngày 19/8/2020 với anh Vũ Văn T và chị Phạm Ngọc H.

2. Buộc anh Vũ Văn T và chị Phạm Ngọc H phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng số tiền nợ gốc còn lại là: 388.946.755 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 26/9/2023 gồm: lãi trong hạn là 290.583.348 đồng; lãi chậm trả là 38.746.142 đồng. Tổng số tiền là: 718.276.245 đồng (Bảy trăm mười tám triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi lăm đồng).

Kể từ ngày 27/9/2023 anh Vũ Văn T và chị Phạm Ngọc H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên

thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp trong Hợp đồng cấp tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng V thì lãi suất mà anh T, chị H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng V theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng V.

3. Trường hợp anh Vũ Văn T và chị Phạm Ngọc H không trả nợ hoặc trả nợ không đủ số tiền nợ nêu trên, Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là 01 xe ô tô tải nhãn hiệu TMT, biển kiểm soát 17C-101.57 mang tên Vũ Văn T và quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 316, tờ bản đồ số 22, diện tích 569,5m²; địa chỉ thửa đất Thôn B, xã Đ1, huyện Qu, tỉnh Thái Bình mang tên chủ sử dụng đất anh Vũ Văn Tr và chị Nguyễn Thị L1. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh T, chị H tiếp tục phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng V.

4. Về án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Anh Vũ Văn T và chị Phạm Ngọc H phải chịu 32.731.000 đồng (ba mươi hai triệu bảy trăm ba mươi một ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại Ngân hàng V số tiền 15.500.000 đồng (Mười lăm triệu năm trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo biên lai thu số 0005824 ngày 08/5/2023.

Buộc anh Vũ Văn T và chị Phạm Ngọc H phải trả cho Ngân hàng VP BanK 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định mà Ngân hàng V đã chi phí thẩm định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình.
- VKSND tỉnh Thái Bình
- VKSND huyện Quỳnh Phụ.
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ.
- UBND xã A, Đ1.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC

